

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2014 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2014)
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2014)
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án & quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chạy in và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3788/2014/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 50. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0747-2013-072-1

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 2178-2013-072-1

Tp. Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2014



123
3 T
M HƯ
OÁN
À I C
; T I
; T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.504.440.871.768	1.801.732.042.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.335.724.125.186	797.248.819.452
1. Tiền	111		772.454.125.186	565.778.819.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		563.270.000.000	231.470.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.253.329.951	152.072.313.628
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	72.253.329.951	152.072.313.628
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		491.364.021.875	329.241.109.500
1. Phải thu khách hàng	131		294.198.559.086	111.089.524.530
2. Trả trước cho người bán	132		107.395.627.818	94.633.887.401
5. Các khoản phải thu khác	135	6	102.705.792.033	136.616.484.631
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.935.957.062)	(13.098.787.062)
IV. Hàng tồn kho	140	7	475.697.373.677	435.358.503.473
1. Hàng tồn kho	141		475.792.245.444	435.453.375.240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.871.767)	(94.871.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		129.402.021.079	87.811.296.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.219.432.906	483.390.471
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.437.893.657	20.817.474.122
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	8	10.725.568.445	4.853.968.372
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	92.019.126.071	61.656.463.442
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.544.437.459.777	6.214.940.518.517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	10	1.156.753.331.317	303.297.073.941
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		777.474.477.966	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		379.278.853.351	303.297.073.941
II. Tài sản cố định	220		3.118.751.958.704	4.029.635.898.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	72.845.945.923	75.738.729.326
<i>Nguyên giá</i>	222		129.123.540.553	127.460.137.280
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.277.594.630)	(51.721.407.954)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	673.171.370	837.347.414
<i>Nguyên giá</i>	225		985.056.276	985.056.276
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(311.884.906)	(147.708.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.498.358.418.231	1.622.281.693.859
<i>Nguyên giá</i>	228		1.838.040.763.896	1.830.507.229.649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(339.682.345.665)	(208.225.535.790)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	1.546.874.423.180	2.330.778.127.986
III. Bất động sản đầu tư	240	15	233.947.635.358	225.410.202.171
<i>Nguyên giá</i>	241		243.518.372.553	233.119.709.926
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(9.570.737.195)	(7.709.507.755)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	16	1.777.047.548.386	1.439.114.906.014
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16.a	947.473.065.300	645.482.240.408
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16.b	844.436.958.045	833.293.774.615
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	259	16.b	(14.862.474.959)	(39.661.109.009)
V. Tài sản dài hạn khác	260		178.463.723.994	135.755.522.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	178.463.723.994	135.735.522.638
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	20.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	18	79.473.262.018	81.726.915.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.048.878.331.545	8.016.672.560.977

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.021.215.274.123	6.020.812.243.152
I. Nợ ngắn hạn	310		2.324.757.575.767	2.429.713.063.681
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	935.200.780.757	1.132.757.178.616
2. Phải trả người bán	312		384.724.754.480	404.184.609.024
3. Người mua trả tiền trước	313		623.971.247.283	624.030.633.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	127.988.597.049	53.119.169.949
5. Phải trả người lao động	315		3.872.438.639	7.768.386.459
6. Chi phí phải trả	316	21	26.579.490.852	14.366.648.623
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	165.448.457.418	126.780.763.705
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320	23	48.534.083.235	48.534.083.235
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.437.726.054	18.171.590.226
II. Nợ dài hạn	330		4.696.457.698.356	3.591.099.179.471
3. Phải trả dài hạn khác	333	24	8.132.421.068	7.414.183.134
4. Vay và nợ dài hạn	334	25	4.687.428.691.137	3.582.700.764.061
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		896.586.151	984.232.276
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.664.565.589.648	1.631.242.124.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	1.664.565.589.648	1.631.242.124.680
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.128.615.000.000	1.128.615.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		105.309.914.261	105.309.914.261
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		803.930.598	170.383.450
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		100.897.192.500	96.593.566.864
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		328.939.552.289	300.553.260.105
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	27	363.097.467.774	364.618.193.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.048.878.331.545	8.016.672.560.977

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại + USD	07		2.187,90	2.195,65



Nguyễn Thị Mai Hương
 Người lập biểu
 Ngày 27 tháng 8 năm 2014



Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng




 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.428.463.754.691	171.755.262.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.716.828.512	56.949.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	1.419.746.926.179	171.698.313.230
4. Giá vốn hàng bán	11	29	1.164.231.600.817	65.710.584.868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		255.515.325.362	105.987.728.362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	159.250.907.583	135.521.586.639
7. Chi phí tài chính	22	31	116.066.201.309	106.671.396.273
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>114.352.124.042</i>	<i>71.169.052.612</i>
8. Chi phí bán hàng	24	32	102.640.447.466	56.448.168.796
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.522.598.854	35.187.210.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.536.985.316	43.202.539.343
11. Thu nhập khác	31		735.935.045	1.049.120.877
12. Chi phí khác	32		5.365.909.189	429.422.436
13. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động khác	40		(4.629.974.144)	619.698.441
14. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45	33	59.793.508.925	(54.997.155.479)
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		221.700.520.097	(11.174.917.695)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	24.920.609.793	20.084.543.832
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		196.779.910.304	(31.259.461.527)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		22.969.964.121	10.528.312.524
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		173.809.946.183	(41.787.774.051)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.540	(375)

Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	496.137.683.947	277.479.600.069
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(403.934.653.326)	(101.183.692.634)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.800.796.560)	(30.259.861.250)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(176.145.890.637)	(100.682.374.193)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(40.283.107.928)	(63.093.090.990)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	106.512.182.389	331.726.633.157
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(123.706.766.208)	(124.801.589.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(178.221.348.323)	189.185.624.431
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(95.680.588.505)	(576.636.883.741)
2. Tiền thu do thanh lý các tài sản dài hạn khác (*)	22	111.068.000.000	387.329.608.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(134.803.000.000)	(587.345.968.107)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	268.762.212.161	341.470.443.546
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(268.919.263.383)	(80.922.392.832)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào các đơn vị khác	26	14.656.977.710	401.548.701.370
7. Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.122.069.902	97.260.249.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	206.407.885	(17.296.241.810)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	31	-	197.524.986.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu và mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(5.398.968.518)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.496.073.824.240	1.517.235.206.192
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.631.617.169.079)	(1.427.457.796.463)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(177.291.317)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(142.390.433.290)	(18.002.421.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	716.489.962.036	269.299.974.255
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	538.475.021.598	441.189.356.876
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	797.248.819.452	442.112.016.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	284.136	44.390.311
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.335.724.125.186	883.345.763.504

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

(*) Dòng tiền thu do thanh lý các tài sản dài hạn khác (mã số 22) phát sinh trong kỳ là khoản tiền mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán đợt 1 cho dự án xây dựng Cầu Sài Gòn ngay sau khi dự án được quyết toán. Giá trị quyết toán của dự án là 1.110.677.877.966 VND và sẽ được thanh toán thành 10 đợt, định kỳ 6 tháng/1 đợt. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã nhận được giá trị thanh toán đợt 1 với số tiền là 197.000.000.000 VND, bao gồm 111.068.000.000 VND giá trị vốn đầu tư (được trình bày ở mã số 22) và 85.932.000.000 VND tiền lợi nhuận được hưởng từ dự án (được trình bày ở mã số 27).



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2014



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.129.275.000.000 VND, được chia thành 112.927.500 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thực hiện đầu tư vào tám (08) công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là tám (08) công ty).

Thông tin chi tiết về các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	TP.Hồ Chí Minh	99,54%	99,54%	Thiết kế, xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	TP.Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản
4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh và Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư và thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng tuyến Phan Rang - Tháp Chàm
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	TP.Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội
6. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	TP.Hồ Chí Minh	89,94%	89,94%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	TP.Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư và thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T cầu đường Bình Triệu 2
8. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty thực hiện đầu tư vào tám (08) công ty liên kết, (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là sáu (06) công ty). Các công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT);
- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Thu phí giao thông;
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước; san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ;
- Kinh doanh nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh lưu động, thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy; cung cấp nước sạch;
- Cho thuê kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

3-C
TY
I U U H A
N V I
CHIN
E
TP P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 11

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ của doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5-10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn.

Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty kiểm soát nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn (tiếp theo)

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay đầu tư cho các dự án B.O.T trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động cũng được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính của dự án.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

TRÁ
KI
TÚ
OÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	7.401.763.898	8.601.164.027
Tiền gửi ngân hàng	765.052.361.288	557.177.655.425
Các khoản tương đương tiền (i)	563.270.000.000	231.470.000.000
Cộng	1.335.724.125.186	797.248.819.452

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ dưới 3 tháng với mức lãi suất được hưởng từ 5,5% đến 7,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng	40.000.000.000	67.000.000.000
Vốn hợp tác đầu tư ngắn hạn	29.350.429.951	82.169.413.628
Cổ phiếu đầu tư cho mục đích thương mại	2.902.900.000	2.902.900.000
Cộng	72.253.329.951	152.072.313.628

0117
CÔNG
CHÍNH
HỢP NH
HẤT
VĂN
QUỐC
G M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Đồng Tâm	30.719.221.206	25.500.000.000
Phải thu lãi và vốn hỗ trợ kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	20.639.511.395	25.156.712.329
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (Xem Thuyết minh số 10):	18.257.279.557	15.589.279.557
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới</i>	<i>13.140.000.000</i>	<i>10.472.000.000</i>
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	<i>5.117.279.557</i>	<i>5.117.279.557</i>
Ban chỉ huy công trình Cầu Sài Gòn (i)	11.391.757.954	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	6.470.833.334	56.470.833.334
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	3.730.866.028	3.730.866.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC	3.400.000.000	3.400.000.000
Phải thu lãi bảo toàn vốn chủ của Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	967.365.124	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	573.623.610	2.940.906.850
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	-	1.071.319.980
Phải thu khác	6.555.333.825	2.756.566.553
Cộng	102.705.792.033	136.616.484.631

(i) Số dư khoản phải thu Ban chỉ huy công trình xây dựng Cầu Sài Gòn là khoản vốn và vật tư Công ty đã ứng cho Ban chỉ huy để thực hiện thi công công trình xây dựng Cầu Sài Gòn. Trong kỳ, dự án đã hoàn thành và chuyển giao cho Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh, số dư nợ phải thu này có thể được cần trừ hoặc bàn giao để Ban chỉ huy thực hiện các công trình khác.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.280.104.713	14.813.435.554
Công cụ, dụng cụ	95.664.346	117.507.921
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	438.746.220.019	407.759.491.788
<i>Chi phí đầu tư các dự án</i>	<i>272.525.381.681</i>	<i>231.278.013.081</i>
<i>Chi phí thi công các công trình xây dựng</i>	<i>156.012.094.088</i>	<i>170.761.095.032</i>
<i>Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang</i>	<i>5.156.689.881</i>	<i>5.183.147.050</i>
<i>Chi phí dịch vụ dở dang</i>	<i>5.052.054.369</i>	<i>537.236.625</i>
Thành phẩm	9.298.503.899	12.379.046.180
Hàng hóa	371.752.467	383.893.797
Cộng giá gốc	475.792.245.444	435.453.375.240
Dư phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.871.767)	(94.871.767)
Cộng giá trị thuần	475.697.373.677	435.358.503.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.479.964.270	1.457.678.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	8.642.886.260	3.323.812.655
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	26.146.327	-
Các khoản phải thu khác	576.571.588	72.477.057
Cộng	10.725.568.445	4.853.968.372

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.181.226	107.181.226
Tạm ứng cho các đội thi công các công trình xây dựng	87.558.152.927	54.985.314.891
Tạm ứng cho nhân viên	2.937.234.597	4.124.209.928
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.416.557.321	2.439.757.397
Cộng	92.019.126.071	61.656.463.442

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (i)	777.474.477.966	-
Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii):	327.267.775.491	301.300.996.081
<i>Dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	216.570.627.863	179.474.208.675
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	69.083.274.018	71.641.913.796
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới</i>	41.613.873.610	50.184.873.610
Phải thu gốc trái phiếu đã đáo hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	50.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.011.077.860	1.996.077.860
Cộng	1.156.753.331.317	303.297.073.941

(i) Giá trị đầu tư của dự án Cầu Sài Gòn sẽ được thanh toán thành 10 đợt, định kỳ 06 tháng/đợt. Số dư phải thu dài hạn cuối kỳ là giá trị phải thu sau 12 tháng tính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014.

(ii) Phải thu lãi vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận theo điều khoản chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu của hợp đồng B.O.T, được tính bằng 14%/năm trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án. Khi các dự án bắt đầu đi vào hoạt động thì khoản phải thu này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu hàng năm của dự án.

29-C
 T.Y.
 ƯU H.
 N.V.
 CHÍN
 Ê
 TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	39.950.392.325	67.239.719.269	19.174.732.334	1.095.293.352	127.460.137.280
Mua trong kỳ	112.000.000	880.203.273	350.000.000	321.200.000	1.663.403.273
Tại ngày 30/06/2014	40.062.392.325	68.119.922.542	19.524.732.334	1.416.493.352	129.123.540.553
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	3.874.949.179	35.129.120.864	11.820.881.174	896.456.738	51.721.407.954
Khấu hao trong kỳ	457.110.354	2.873.773.136	865.479.210	359.823.975	4.556.186.676
Phân loại lại danh mục tài sản	-	443.684.216	(172.090.430)	(271.593.786)	-
Tại ngày 30/06/2014	4.332.059.533	38.446.578.216	12.514.269.954	984.686.926	56.277.594.630
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	36.075.443.146	32.110.598.405	7.353.851.160	198.836.614	75.738.729.326
Tại ngày 30/06/2014	35.730.332.792	29.673.344.326	7.010.462.380	431.806.426	72.845.945.923

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 13.990.923.795 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 13.428.038.867 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 34.802.981.438 VND, (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.457.609.390 VND), để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	985.056.276
Mua trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2014	985.056.276
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	147.708.862
Khấu hao trong kỳ	164.176.044
Tại ngày 30/06/2014	311.884.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2014	837.347.414
Tại ngày 30/06/2014	673.171.370



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.822.183.555.199	8.031.674.450	292.000.000	1.830.507.229.649
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.533.534.247	-	-	7.533.534.247
Tại ngày 30/06/2014	1.829.717.089.446	8.031.674.450	292.000.000	1.838.040.763.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	207.420.608.723	758.825.451	46.101.616	208.225.535.790
Khấu hao trong kỳ	131.333.809.826	85.443.348	37.556.701	131.456.809.875
Tại ngày 30/06/2014	338.754.418.549	844.268.799	83.658.317	339.682.345.665
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	1.614.762.946.476	7.272.848.999	245.898.384	1.622.281.693.859
Tại ngày 30/06/2014	1.490.962.670.897	7.187.405.651	208.341.683	1.498.358.418.231

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác mà Công ty có thể thu được từ các quyền thu phí giao thông này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành. Công ty cũng đã thế chấp quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho khoản vay tại ngân hàng. Tổng nguyên giá của những tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.837.748.763.896 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.830.215.229.649 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đang kiểm soát các quyền thu phí giao thông sau:

(i) Quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội có được do Công ty đã ứng vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Rạch Chiếc mới trên Xa lộ Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 từ Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí tại trạm Xa lộ Hà Nội từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 60% (tỷ lệ khấu hao trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 42,4%).

(ii) Công ty đã đạt được quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1- giai đoạn 2). Quyền thu phí này có nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 215.164.902.241 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã đầu tư cho dự án theo Hợp đồng B.O.T đã ký ngày 31 tháng 3 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thu phí hoàn vốn tạm tính là trong khoảng thời gian 5 năm 3 tháng, bắt đầu thu phí một chiều từ ngày 1 tháng 5 năm 2009 và thu phí hai chiều từ tháng 4 năm 2011. Quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2 được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hàng năm là 52%.

(iii) Quyền thu phí giao thông trạm Cam Thịnh để hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 569.488.015.309 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo Hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Trạm thu phí đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông trạm Cam Thịnh cũng được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 46% (tỷ lệ khấu hao trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 44,20%).

Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ trọng doanh thu đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty cũng đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào các dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	776.763.327.389	615.745.450.218
Dự án B.T xây dựng đường liên tỉnh lộ 25B (i)	682.434.605.360	680.294.012.101
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	74.411.725.536	68.207.610.410
Dự án Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia	7.277.276.915	7.908.106.885
Dự án di dời đường dây cao thế đường sắt Bến Thành - Suối Tiên	1.989.333.892	1.800.436.829
Dự án di dời hạ tầng kỹ thuật trạm Xa Lộ Hà	1.312.776.907	1.257.443.563
Dự án di dời tái lập tuyến ống cấp nước	1.002.838.029	962.260.647
Dự án B.O.T Cầu đường Bình Triệu 2	524.425.112	524.425.112
Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm	300.502.273	-
đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2	46.946.000	-
Dự án Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	28.013.322	28.013.322
Dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (ii)	-	953.899.868.899
Các dự án khác	782.652.445	150.500.000
Cộng	1.546.874.423.180	2.330.778.127.986

(i) Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ Dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội và Dự án B.T xây dựng đường liên tỉnh lộ 25B và đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại thuyết minh số 25.

(ii) Trong kỳ, dự án B.T Cầu Sài Gòn dự án đã hoàn thành và chuyển giao cho Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh để quyết toán giá trị đầu tư.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	59.065.774.758	174.053.935.168	233.119.709.926
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	10.398.662.627	10.398.662.627
Tại ngày 30/06/2014	59.065.774.758	184.452.597.795	243.518.372.553
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	606.351.142	7.103.156.613	7.709.507.755
Khấu hao trong kỳ	58.369.875	1.802.859.565	1.861.229.440
Tại ngày 30/06/2014	664.721.017	8.906.016.178	9.570.737.195
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	58.459.423.616	166.950.778.555	225.410.202.171
Tại ngày 30/06/2014	58.401.053.741	175.546.581.617	233.947.635.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

(i) Khu trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 3, khu văn phòng cho thuê từ tầng 4 đến tầng 5 và khu tầng hầm thuộc Cao ốc 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;

(ii) Quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã sử dụng Khu trung tâm thương mại, một số văn phòng cho thuê và khu tầng hầm thuộc Cao ốc 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng với tổng nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 236.639.336.657 VND.

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

(a) Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty thực hiện đầu tư vào tám (08) công ty liên kết, thông tin chi tiết về các công ty liên kết này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VINAPHIL	TP.Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ
2. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
3. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	TP.Cần Thơ	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
5. Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách
6. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	Khai thác, thu phí giao thông
7. Công ty Cổ phần nước Tân Hiệp	TP.Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng	TP.Hồ Chí Minh	Tư vấn, kiểm định và xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

	Tại ngày 30/06/2014			Tại ngày 01/01/2014		
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	49,50%	49,50%	363.472.175.089	50%	49,50%	293.289.411.532
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	49,13%	49,13%	430.174.075.465	35,58%	35,58%	293.094.981.514
Công ty Cổ phần Hòa Phú	30%	30%	32.763.783.355	30%	30%	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	22,53%	22,53%	17.556.247.807	22,53%	22,53%	15.193.337.135
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	36,41%	36,41%	9.330.117.605	36,41%	36,41%	8.944.510.227
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)	49,57%	49,57%	81.466.665.979	-	-	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp (ii)	29,53%	43,00%	10.750.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	48,77%	48,77%	1.960.000.000	41,71%	41,71%	1.960.000.000
Cộng			947.473.065.300			645.482.240.408

(i) Trong kỳ, Công ty đã mua lại 49,57% vốn góp vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6. Việc đầu tư này là cho mục đích nắm giữ lâu dài trong chiến lược phát triển của Công ty.

(ii) Ngày 23 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp với tỷ lệ đăng ký góp là 43% vốn điều lệ, tương đương 103,2 tỷ VND để thực hiện dự án Mở rộng Nhà máy Nước Tân Hiệp giai đoạn 2. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty vẫn đang trong giai đoạn góp vốn như đã đăng ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào cổ phiếu

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Giá gốc				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	3.489.930	99.072.172.439	2.548.600	79.928.989.009,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	1.180.000	29.500.000.000	1.180.000	29.500.000.000,00
Cộng		128.572.172.439		109.428.989.009
Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy		(14.862.474.959)		(39.661.109.009)
Cộng giá trị thuần		113.709.697.480		69.767.880.000

(c) Các dự án hợp tác đầu tư

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án chung cư Diamond Riverside	458.961.083.081	458.961.083.081
Dự án nhà máy nước BOO Đồng Tâm	185.387.309.892	185.387.309.892
Dự án B.O.T Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	29.700.000.000
Dự án khu dân cư phường Bình An, Quận 2	14.331.906.973	14.331.906.973
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh	11.319.090.627	19.319.090.627
Dự án cầu Đồng Nai	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án khu Cỏ Mễ - Vườn Việt	2.165.395.033	2.165.395.033
Cộng	715.864.785.606	723.864.785.606

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu	48.652.875.466	50.116.072.276
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc mới chờ phân bổ (i)	77.385.059.341	46.599.473.451
Chi phí lãi vay dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua TP.Phan Rang - Tháp Chàm chờ phân bổ (i)	36.787.856.876	21.315.199.992
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.828.059.568	16.552.263.552
Chi phí phát triển dự án chờ phân bổ	1.810.834.849	899.933.618
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	589.587.894	190.036.946
Chi phí khác chờ phân bổ	409.450.000	62.542.803
Cộng	178.463.723.994	135.735.522.638

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho các dự án B.O.T phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay của dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới là 16% (trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 8,62%) và dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm là 12,1% (trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 22%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Giá trị VND
Tại ngày 01/01/2014	81.726.915.168
Tăng trong kỳ	2.387.543.006
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(4.641.196.156)
Tại ngày 30/06/2014	79.473.262.018

Lợi thể thương mại tăng trong kỳ là phần chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số đã chuyển nhượng cho Công ty vào ngày 20 tháng 1 năm 2014.

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh	118.470.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	54.000.000.000	295.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	30.526.324.242	9.002.167.616
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long	21.363.942.091	21.398.942.091
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 25)	710.840.514.424	807.356.068.909
Cộng	935.200.780.757	1.132.757.178.616

Số dư nợ vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Công ty và ngân hàng với hạn mức vay tối đa cho Công ty là 100 tỷ VND và 50 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII. Lãi suất cho vay thả nổi và được điều chỉnh 1 tháng/lần. Thời hạn vay không quá 8 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Vốn vay được sử dụng để thi công dự án B.O.T Mở rộng Xa Lộ Hà Nội và dự án thi công xây dựng Cầu Vòng, Vĩnh Long. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo nhưng bên vay cam kết duy trì số dư tài khoản tiền gửi cũng như các khoản thu khách hàng tại bên cho vay.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt nam – Sở Giao dịch 1 được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ngày 25 tháng 10 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 165 tỷ VND, lãi suất cho vay là 9,5%/năm với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Vốn vay được sử dụng để thi công dự án B.O.T Mở rộng Xa Lộ Hà Nội. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo nhưng bên vay cam kết duy trì số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn có hạn mức tối đa là 70 tỷ VND và thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; máy móc tại nhà xưởng ở địa chỉ nêu trên, quyền đòi nợ phát sinh theo hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Ngân hàng, tài sản hợp pháp khác của Công ty hoặc của bên thứ ba để thế chấp cho khoản vay này.

Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng đã ký ngày 12 tháng 3 năm 2013. Hạn mức vay tối đa là 15 tỷ VND. Mục đích vay là để bổ sung vốn thi công xây dựng công trình Cầu Vòng. Thời hạn vay của mỗi khoản vay là 8 tháng kể từ ngày được giải ngân. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo lãi suất thả nổi của ngân hàng áp dụng trong từng thời kỳ. Một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải do Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII sử dụng và quản lý đã được thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	92.589.324.941	7.142.738.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.825.246.411	43.868.687.025
Thuế thu nhập cá nhân	674.994.118	1.218.338.267
Thuế nhà thầu	899.031.579	889.263.158
Các khoản phải nộp khác	-	142.759
Cộng	127.988.597.049	53.119.169.949

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thi công liên quan đến các công trình xây dựng	25.575.590.124	13.367.648.530
Chi phí lãi vay phải trả	184.712.121	38.976.511
Chi phí phải trả khác	819.188.607	960.023.582
Cộng	26.579.490.852	14.366.648.623

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu	93.543.624.888	54.030.842.458
Phải trả lãi và vốn hỗ trợ kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	34.522.469.122	30.646.646.488
Phải trả lãi vay ngân hàng	10.171.435.137	10.671.435.137
Phải trả Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị số 2	7.683.919.029	10.301.102.361
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	7.017.802.460	3.580.573.060
Cổ tức phải trả	2.759.495.569	10.395.495.907
Lãi chậm thanh toán phải trả Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn	1.999.926.200	1.836.549.910
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	1.037.170.948	1.037.170.948
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà Nước Thành Phố Hồ Chí Minh	451.242.467	451.242.467
Kinh phí công đoàn	411.150.076	624.646.968
Bảo hiểm xã hội	279.301.248	421.834.461
Bảo hiểm y tế	304.252.534	1.538.758.598
Bảo hiểm thất nghiệp	141.871.391	15.936.211
Phải trả Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	63.155.260	6.911.480
Phải trả, phải nộp khác	-	1.030.294.872
Cộng	5.061.641.089	191.322.379
Cộng	165.448.457.418	126.780.763.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả cuối kỳ là giá trị mà Công ty phải trả cho Công ty Kênh Đông Water Holdings, được ghi nhận theo điều khoản bồi hoàn trong Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông được ký giữa Công ty và Manila Water Company, Inc (Nhà đầu tư nước ngoài). Theo đó, Công ty phải bồi hoàn cho Nhà đầu tư nước ngoài đối với các tổn thất phát sinh, nếu, vì bất kỳ lý do gì hoạt động sản xuất thương mại của dự án Kênh Đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông không được bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 2013. Hoạt động phát nước thương mại của nhà máy nước Kênh Đông được chính thức bắt đầu vào ngày 8 tháng 7 năm 2013, do đó Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn cho nhà đầu tư theo cam kết.

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	4.137.428.486	4.205.813.906
Quỹ bảo trì căn hộ	3.994.992.582	3.208.369.228
Cộng	8.132.421.068	7.414.183.134

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	1.524.381.745.900	1.975.573.821.758
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh	1.172.516.000.000	1.358.358.125.591
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	254.357.707.950	290.533.473.477
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	97.414.500.000	49.687.500.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt nam - Chi nhánh Cộng Hòa	93.537.950	276.994.722.690
Trái phiếu phát hành	3.873.424.450.000	2.413.879.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi	2.004.924.450.000	913.879.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp thông thường	1.868.500.000.000	1.500.000.000.000
Nợ thuê tài chính	463.009.661	604.011.212
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	463.009.661	604.011.212
Các khoản vay và nợ phải trả trong vòng 12 tháng tới	(710.840.514.424)	(807.356.068.909)
Cộng	4.687.428.691.137	3.582.700.764.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	710.840.514.424	807.356.068.909
Trong năm thứ hai	1.297.747.533.187	1.140.971.912.353
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.389.681.157.950	2.441.728.851.708
	5.398.269.205.561	4.390.056.832.970
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(710.840.514.424)	(807.356.068.909)
Số phải trả sau 12 tháng	4.687.428.691.137	3.582.700.764.061

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Ngày 26 tháng 10 năm 2013, Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh (Vietinbank) đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cho giai đoạn 2013-2020. Theo đó, Vietinbank sẽ tư vấn phát hành và đầu tư trái phiếu của Công ty, cung cấp cho Công ty các sản phẩm về tài chính cho một số dự án mà Công ty đầu tư; cung cấp các dịch vụ bảo hiểm rủi ro tỉ giá, rủi ro lãi suất; các dịch vụ tài khoản, tiền gửi và quản lí dòng tiền... cho Công ty

Tháng 11 năm 2013, Vietinbank đã thực hiện mua lại các khoản nợ vay của Công ty với tổng giá trị là 1.397,36 tỷ VND. Đây là các khoản vay đã được sử dụng để tài trợ cho dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa Lộ Hà Nội, dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2), dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn. Lãi suất cho vay của Vietinbank được thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố cho từng thời kỳ. Tất cả các khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 7 năm 2020. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay là 108.818.508 cổ phiếu do Công ty sở hữu của một số công ty con và công ty liên kết, quyền thu phí giao thông hình thành từ vốn vay và các lợi ích kinh tế khác đi kèm của dự án.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh có thời hạn là 14 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố cho từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng vốn vay để đầu tư cho dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội. Quyền thu phí trạm Xa Lộ Hà Nội và các lợi ích đi kèm của dự án đã được Công ty sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này.

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh với số tiền 95.000.000.000 VND, thời hạn 7 năm. Khoản vay này sẽ được trả tối đa không quá 28 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 tháng. Kỳ trả nợ gốc và lãi vay được quy định cụ thể tại hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ. Khoản vay chịu lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân cộng biên độ 3%/năm. Công ty sử dụng quyền sở hữu năm tầng thương mại dịch vụ và hai tầng hầm Khu chung cư thương mại dịch vụ (Lữ Gia Plaza) tại địa chỉ 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về trái phiếu phát hành

a. Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi:

Mệnh giá 25 triệu USD, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Management quản lý.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
 - + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
 - + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 4%/năm.
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Mệnh giá 71.079.000.000 VND, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 1.000.000 VND và bội số của 1.000.000 VND.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 13%/năm đầu tiên, kể từ năm thứ 2 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của 4 ngân hàng thương mại lớn (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, AGR) trên địa bàn thành phố cộng (+) biên độ 2%.
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần cho 44.424.000.000 VND giá trị trái phiếu và 10.000 VND/cổ phần cho 26.655.000.000 VND giá trị trái phiếu.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Mệnh giá 15 triệu USD, phát hành tháng 4/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Management quản lý.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

- + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
- + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
- + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 4%/năm.
- Giá chuyển đổi: 10.000 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 21 tháng 4 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới), dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà nội, dự án B.O.T cao ốc 152 Điện Biên Phủ, dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh QL1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Mệnh giá 1.081.846.000.000 VND, phát hành tháng 6/2014

- Mệnh giá: 1.000.000 VND.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành và chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.
- Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014.
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

b. Trái phiếu doanh nghiệp thông thường:

Mệnh giá 500.000.000.000 VND, phát hành tháng 7/2007

- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có bảo đảm.
- Mệnh giá: 100.000 VND
- Số lượng: 5.000.000 trái phiếu.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Đối tượng chào bán: Quỹ đầu tư PCA International Funds SPC (Grand Cayman) với giá trị là 122,5 tỷ VND, Công ty Chứng khoán SSI 100 tỷ VND, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam 100 tỷ VND, Công ty quản lý quỹ đầu tư Bảo Việt 80 tỷ VND, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam 62,2 tỷ VND, Ngân hàng TMCP Quân đội 20 tỷ VND và Quỹ đầu tư cân bằng Prudential 15,3 tỷ VND.
- Thời hạn trái phiếu: 7 năm kể từ ngày 9 tháng 7 năm 2007. Trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7/2014.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ hàng năm vào ngày phát hành của các năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đáo hạn.
- Lãi suất: 10,3%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào các dự án: B.O.T tuyến tránh Thành phố Biên Hòa, dự án cao ốc 70 Lữ Gia, dự án 152 Điện Biên Phủ, dự án khu dân cư Tân An Hội và dự án khu tái định cư Tam Tân.
- Hình thức phát hành: phát hành riêng lẻ cho các tổ chức.

Mệnh giá 1.000.000.000.000 VND, phát hành tháng 4/2013

- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có bảo đảm.
- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND
- Số lượng: 1.000 trái phiếu.
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh mua lại.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm kể từ ngày phát hành.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần.
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Mệnh giá 650.000.000.000 VND, phát hành tháng 2/2014

- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có bảo đảm.
- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND
- Số lượng: 650 trái phiếu.
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm kể từ ngày phát hành.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần.
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND			VND	VND	VND
Tại 01/01/2013	1.128.015.000.000	85.030.956.796	(143.061.459.596)	-	75.762.318.818	330.776.067.666	1.476.522.883.684
Tăng vốn	600.000.000	-	-	-	-	-	600.000.000
Phát hành cổ phiếu quỹ		20.278.957.465	143.061.459.596	-	-	-	163.340.417.061
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	86.072.512.724	86.072.512.724
Hoàn nhập lợi nhuận do công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.120.600.000)	(45.120.600.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	170.383.450	20.831.248.046	(42.551.383.748)	(21.549.752.252)
Giảm do xác định lại giá trị của lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	(22.341.494.115)	(22.341.494.115)
Chia lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	-	(8.178.910.555)	(8.178.910.555)
Tăng khác						197.068.133	197.068.133
Tại 01/01/2014	1.128.615.000.000	105.309.914.261	-	170.383.450	96.593.566.864	300.553.260.105	1.631.242.124.680
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	173.809.946.183	173.809.946.183
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(135.361.800.000)	(135.361.800.000)
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	633.547.148	4.303.625.636	(4.937.172.784)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.018.260.609)	(5.018.260.609)
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.199.151	4.199.151
Giảm khác	-	-	-	-	-	(110.619.757)	(110.619.757)
Tại 30/06/2014	1.128.615.000.000	105.309.914.261	-	803.930.598	100.897.192.500	328.939.552.289	1.664.565.589.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	112.927.500	112.927.500
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đủ	112.861.500	112.801.500
+ Cổ phần phổ thông	112.861.500	112.801.500
Số lượng cổ phần đang lưu hành	112.861.500	112.801.500
+ Cổ phần phổ thông	112.861.500	112.801.500
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

Cổ tức

	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Cổ tức đã chia trong kỳ	135.361.800.000	-

Việc chia cổ tức trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ chia cổ tức là 12% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2013.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần sở hữu của các cổ đông khác cổ đông Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị tài sản thuần của công ty con thuộc sở hữu của cổ đông thiểu số như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	346.983.420.000	351.491.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.079.444.190	7.079.444.190
Cổ phiếu quỹ	(5.362.083.904)	-
Quỹ đầu tư phát triển	479.044.892	451.687.556
Quỹ dự phòng tài chính	85.255.502	85.255.502
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.832.387.094	5.510.765.897
Cộng	363.097.467.774	364.618.193.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.428.463.754.691	171.755.262.230
Doanh thu từ dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	1.010.530.973.114	-
Doanh thu thu phí giao thông	260.529.722.716	104.454.446.286
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	100.245.869.442	18.557.955.897
Doanh thu bán hàng	25.503.470.916	24.614.931.323
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	18.711.847.306	15.179.725.009
Doanh thu cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	12.941.871.197	8.948.203.715
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.716.828.512)	(56.949.000)
Lãi phát sinh từ điều khoản chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(8.461.639.778)	-
Giảm giá hàng bán	(255.188.734)	-
Hàng bán bị trả lại	-	(56.949.000)
Cộng	1.419.746.926.179	171.698.313.230

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, trong kỳ dự án xây dựng Cầu Sài Gòn đã hoàn thành và đã được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết. Công ty đã xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu theo giá trị quyết toán của dự án.

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn	1.010.680.677.811	-
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	43.850.408.311	12.908.865.861
Giá vốn hoạt động xây dựng	64.344.988.971	15.052.811.048
Giá vốn hàng bán	22.950.192.151	19.664.878.804
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	11.304.598.578	13.044.394.223
Giá vốn của dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	11.100.734.995	5.039.634.932
Cộng	1.164.231.600.817	65.710.584.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận từ dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn	85.932.000.000	-
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	37.096.419.188	40.135.421.826
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.869.837.591	40.426.522.474
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.133.145.462	25.990.362.555
Lãi đầu tư trái phiếu	5.219.221.206	-
Thu nhập từ đầu tư chứng khoán, chuyển nhượng dự án	-	19.313.902.882
Lãi phát sinh từ các dự án góp vốn đầu tư	-	8.411.123.568
Doanh thu tài chính khác	284.136	1.244.253.334
Cộng	159.250.907.583	135.521.586.639

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	114.352.124.042	71.169.052.612
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	16.112.096.623	10.789.814.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.200.000.000	12.924.109.083
Chi phí tài chính khác	1.200.614.694	1.219.414.612
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	8.019.005.477
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	2.550.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(24.798.634.050)	-
Cộng	116.066.201.309	106.671.396.273

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông	87.854.484.080	40.081.598.204
Chi phí bảo hành, duy tu trạm thu phí giao thông	4.033.961.159	3.913.979.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.205.688.592	4.123.442.796
Chi phí in vé thu phí giao thông	696.316.566	759.619.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	283.288.134	436.181.611
Chi phí công cụ, dụng cụ	430.477.545	-
Chi phí nhân viên	4.136.231.390	7.133.346.969
Cộng	102.640.447.466	56.448.168.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh trong kỳ của các công ty liên kết, liên doanh	61.909.011.939	(32.797.155.479)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	54.590.263.557	(41.003.285.364)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	3.137.901.598	8.206.129.885
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	2.362.910.672	-
Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn	1.201.247.378	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	852.905.379	-
Công ty Cổ phần Hòa Phú	(236.216.645)	-
Cổ tức được chia từ các công ty liên kết	(2.115.503.014)	(22.200.000.000)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	(22.200.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	(1.299.863.014)	-
Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn	(815.640.000)	-
Cộng	59.793.508.925	(54.997.155.479)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014		Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	
	Hoạt động được ưu đãi thuế	Hoạt động không được ưu đãi thuế	Hoạt động được ưu đãi thuế	Hoạt động không được ưu đãi thuế
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	26.291.028.031	195.409.492.066	21.677.319.342	(32.852.237.037)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	9.090.909	(67.119.975.804)	18.472.641	110.293.898.668
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.090.909	9.751.567.895	18.472.641	1.468.455.647
Chi phí lãi vay góp vốn vào công ty con	-	9.715.075.928	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	-	73.306.761.571	-	84.497.273.176
Lợi nhuận được hưởng từ dự án BT đầu tư xây dựng cầu Sài Gòn không chịu thuế	-	(85.932.000.000)	-	-
(Lãi)/lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	-	(59.793.508.925)	-	54.997.155.479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(14.133.145.462)	-	(25.990.362.555)
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác	-	(34.726.811)	-	(11.095.101.667)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh bất động sản chuyển sang năm sau	-	-	-	6.416.478.588
Thu nhập chịu thuế	26.300.118.940	128.289.516.262	21.695.791.983	77.441.661.631
Lỗ năm trước mang sang	-	(6.151.535.489)	-	-
Thu nhập tính thuế	26.300.118.940	122.137.980.773	21.695.791.983	77.441.661.631
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% (i)	26.300.118.940	-	21.695.791.983	-
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% (ii)	-	5.025.023.142	-	-
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 22% (iii)	-	117.112.957.631	-	-
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 25%	-	-	-	77.441.661.631
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.630.011.894	26.769.855.307	2.169.579.198	19.360.415.408
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	(2.762.182.108)	-	(360.661.175)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (i)	(1.717.075.300)	-	(1.084.789.599)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	912.936.594	24.007.673.199	1.084.789.599	18.999.754.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

(i) Hoạt động được ưu đãi thuế của Công ty là hoạt động thu phí giao thông tại trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Bình Triệu 2 và trạm Cam Thịnh để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Các dự án này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

(ii) Thu nhập chịu thuế suất 20% là thu nhập phát sinh tại các công ty con có doanh thu phát sinh năm 2013 không quá 20 tỷ VND theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

(iii) Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế TNDN được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22% và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ là 20%.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	173.809.946.183	(41.787.774.051)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	112.853.544	111.463.202
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.540	(375)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	5.622.629.471.894	4.715.457.942.677
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.335.724.125.186)	(797.248.819.452)
Nợ thuần	4.286.905.346.708	3.918.209.123.225
Vốn chủ sở hữu	1.664.565.589.648	1.631.242.124.680
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	258%	240%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	1.335.724.125.186	797.248.819.452
Đầu tư ngắn hạn	72.253.329.951	152.072.313.628
Phải thu khách hàng	1.070.320.421.166	109.736.908.644
Phải thu khác	126.252.593.161	112.816.285.759
Ký quỹ ngắn hạn	1.416.557.321	2.439.757.397
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.777.047.548.386	1.439.114.906.014
Cộng	4.383.014.575.171	2.613.428.990.894
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Các khoản vay và nợ	5.622.629.471.894	4.715.457.942.677
Phải trả người bán	326.386.379.950	347.223.004.915
Phải trả khác	164.037.883.702	116.771.091.044
Chi phí và dự phòng phải trả	75.113.574.087	62.900.731.858
Cộng	6.188.167.309.633	5.242.352.770.494

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ cuối kỳ như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	USD	USD
Tài sản tài chính	3.221,32	3.237,44
Nợ phải trả tài chính	40.000.000	40.000.000

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 30/06/2014			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	1.335.724.125.186	-	1.335.724.125.186
Đầu tư ngắn hạn	72.253.329.951	-	72.253.329.951
Phải thu khách hàng	292.845.943.200	777.474.477.966	1.070.320.421.166
Phải thu khác	74.241.515.301	52.011.077.860	126.252.593.161
Ký quỹ, ký cược	1.416.557.321	-	1.416.557.321
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.777.047.548.386	1.777.047.548.386
Cộng	1.776.481.470.959	2.606.533.104.212	4.383.014.575.171
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay và nợ	935.200.780.757	4.687.428.691.137	5.622.629.471.894
Phải trả người bán	326.386.379.950	-	326.386.379.950
Phải trả khác	164.037.883.702	-	164.037.883.702
Chi phí và dự phòng phải trả	75.113.574.087	-	75.113.574.087
Cộng	1.500.738.618.496	4.687.428.691.137	6.188.167.309.633
Chênh lệch thanh khoản thuần	275.742.852.463	(2.080.895.586.925)	(1.805.152.734.462)
TẠI NGÀY 01/01/2014			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	797.248.819.452	-	797.248.819.452
Đầu tư ngắn hạn	152.072.313.628	-	152.072.313.628
Phải thu khách hàng	109.736.908.644	-	109.736.908.644
Phải thu khác	110.820.207.899	1.996.077.860	112.816.285.759
Ký quỹ, ký cược	2.439.757.397	-	2.439.757.397
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.439.114.906.014	1.439.114.906.014
Cộng	1.172.318.007.020	1.441.110.983.874	2.613.428.990.894
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay và nợ	1.132.757.178.616	3.582.700.764.061	4.715.457.942.677
Phải trả người bán	347.223.004.915	-	347.223.004.915
Phải trả khác	116.771.091.044	-	116.771.091.044
Chi phí và dự phòng phải trả	62.900.731.858	-	62.900.731.858
Cộng	1.659.652.006.433	3.582.700.764.061	5.242.352.770.494
Chênh lệch thanh khoản thuần	(487.333.999.413)	(2.141.589.780.187)	(2.628.923.779.600)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 6 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động bán hàng do Công ty sản xuất và hoạt động cung cấp các dịch vụ hạ tầng cùng với một số dịch vụ khác.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- a) Hoạt động thu phí giao thông: Công ty thực hiện thu phí các phương tiện tham gia giao thông tại các trạm trên các tuyến đường Công ty được phép thu phí để hoàn vốn đầu tư vào các dự án như:
 - + Trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới;
 - + Trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2);
 - + Trạm Cam Thịnh để hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- b) Hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T: Xây dựng cầu Sài Gòn và chuyển giao cho Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- c) Hoạt động xây dựng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng; xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- d) Hoạt động kinh doanh bất động sản: Xây dựng và bán căn hộ cho khách hàng, cho thuê văn phòng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- e) Hoạt động bán hàng: Công ty sản xuất và bán các thiết bị đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- f) Hoạt động cung cấp dịch vụ hạ tầng và một số dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh, đường xá.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này

Kết quả kinh doanh của từng bộ phận được thể hiện như bảng dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Chi tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Hoạt động xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động bán hàng	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	252.068.082.938	1.010.530.973.114	100.245.869.442	18.711.847.306	25.248.282.182	12.941.871.197	-	1.419.746.926.179
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	117.871.393.925	114.697.424	486.011.000	14.135.813.968	(132.607.916.317)	-
Cộng	252.068.082.938	1.010.530.973.114	218.117.263.367	18.826.544.730	25.734.293.182	27.077.685.165	(132.607.916.317)	1.419.746.926.179
Giá vốn								
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	43.850.408.311	1.010.680.677.811	64.344.988.971	11.304.598.578	22.950.192.151	11.100.734.995	-	1.164.231.600.817
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	119.262.719.707	-	-	5.062.566.400	(124.325.286.107)	-
Cộng	43.850.408.311	1.010.680.677.811	183.607.708.678	11.304.598.578	22.950.192.151	16.163.301.395	(124.325.286.107)	1.164.231.600.817
Lợi nhuận gộp bộ phận	208.217.674.627	(149.704.697)	34.509.554.689	7.521.946.152	2.784.101.031	10.914.383.770	(8.282.630.210)	255.515.325.362
Doanh thu hoạt động tài chính								159.250.907.583
Chi phí tài chính								116.066.201.309
Chi phí bán hàng								102.640.447.466
Chi phí quản lý doanh nghiệp								29.522.598.854
Thu nhập khác								735.935.045
Chi phí khác								5.365.909.189
Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh								59.793.508.925
Chi phí thuế TNDN hiện hành								24.920.609.793
Tổng lợi nhuận sau thuế								196.779.910.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn		
Nhận chuyển nhượng vốn góp vào dự án Diamond Riverside	-	201.845.968.107
Mua thêm cổ phần tăng tỷ lệ quyền biểu quyết	133.941.192.353	80.902.392.832
Lãi được hưởng từ các khoản hỗ trợ vốn và hợp đồng chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	8.228.592.085
Chia lợi nhuận cho hợp đồng hợp tác đầu tư dự án chuyển nhượng quyền thu phí Điện Biên Phủ và Kinh Dương Vương	-	8.178.910.555
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Vinaphil		
Chuyển nhượng cổ phần, giảm giá trị đầu tư	-	133.650.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ tái phát hành	15.592.500.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif		
Đầu tư thêm vốn cổ phần	1.299.863.014	-
Cổ tức được nhận trong kỳ	1.299.863.014	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Đầu tư vốn	80.613.760.600	-
Lãi bảo toàn vốn chủ được nhận trong kỳ	967.365.124	-
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn		
Cổ tức được nhận trong kỳ	815.640.000	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp		
Đầu tư vốn	10.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.852.131.491	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
PHẢI THU		
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm		
Gốc trái phiếu đã đáo hạn	25.500.000.000	25.500.000.000
Lãi trái phiếu	5.219.221.206	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Lãi bảo toàn vốn chủ	967.365.124	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		
Ứng trước phí thí nghiệm công trình	2.178.282.661	-
PHẢI TRẢ		
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn		
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng phần vốn đầu tư vào dự án Diamond Riverside	272.670.714.696	272.670.714.696
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil		
Phải trả lãi và vốn hỗ trợ kinh doanh	34.522.469.122	30.646.646.488

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong kỳ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lương	3.149.981.588	2.886.402.846
Thưởng	2.339.461.569	3.734.648.833
Cộng	5.489.443.157	6.621.051.679

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Ngày 3 tháng 7 năm 2014, Công ty đã được chấp thuận tham gia đầu tư dự án Phan Rang – Tháp Chàm, giai đoạn 2 “Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận”.

Hội đồng quản trị Công ty đã chấp thuận chủ trương thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII Bridge & Road) trên cơ sở tái cấu trúc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (LGC) và đổi tên LGC thành Công ty CII Bridge & Road.

Ngày 10 tháng 7 năm 2014, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho CII làm nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng 3 và 4) và hoàn thiện đường trục Bắc – Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến đường Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2 theo hình thức Hợp đồng B.T (thanh toán bằng giao đất trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm để thực hiện dự án khác được duyệt theo quy hoạch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện chuyển đổi 26.655 trái phiếu CII-VND-2011 (mệnh giá 1.000.000VND/trái phiếu) thành 2.665.500 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000VND/cổ phần) với giá chuyển đổi là 10.000VND/cổ phần. Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi theo mệnh giá là 26.655.000.000 VND chiếm 37,5% tổng số trái phiếu chuyển đổi Công ty đã phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2014



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc